

**ỦY BAN DÂN TỘC**

Số: 188 /QĐ-UBDT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 7 năm 2011

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt “Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc năm 2012”**

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC**

Căn cứ Nghị định số 60/2008/NĐ-CP ngày 09/5/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển CNTT-TT đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-UBDT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt “Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2011 - 2015”

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Giám đốc Trung tâm Thông tin,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc năm 2012”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Trung tâm Thông tin và Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban có trách nhiệm thi hành Quyết định này. ✓

**Nơi nhận:**

- Như điều 3;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm UBĐT;
- Các PCN UBĐT;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Hà Hùng**



**KẾ HOẠCH**  
**ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG**  
**CỦA CƠ QUAN CỦA ỦY BAN DÂN TỘC NĂM 2012**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 17/7/2011 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

**I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

- Chỉ thị số 58/CT-TW ngày 17/10/2000 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa;
- Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc;
- Nghị định số 60/2008/NĐ-CP ngày 9/05/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển CNTT-TT đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;
- Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 – 2015;
- Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 06/7/2010 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt Đề án phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông hệ thống thống kê của Ủy ban Dân tộc đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.
- Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt "Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2011 - 2015"

**II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**1. Môi trường pháp lý**

Văn bản đã được ban hành: Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt "Kế hoạch ứng dụng công

nghe thông tin trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2011 - 2015".

Vấn bản đã xây dựng đang trình phê duyệt: Quy chế quản lý, sử dụng và khai thác hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban Dân tộc; Quy chế quản lý, sử dụng và khai thác hộp thư điện tử của Ủy ban Dân tộc;

## **2. Hạ tầng kỹ thuật**

### **2.2.1. Hệ thống máy chủ:**

Hệ thống máy chủ của Ủy ban Dân tộc bao gồm 11 máy chủ đặt tại Trung tâm Thông tin và 03 máy chủ đặt tại các Vụ địa phương trực thuộc Ủy ban. Thiết bị lưu trữ tập trung SAN DS-400 được kết nối trực tiếp với 02 máy chủ làm nhiệm vụ lưu trữ dữ liệu và 01 ổ đĩa mạng 04Tb.

Với 11 máy chủ, hệ thống cơ bản đáp ứng được nhu cầu về ứng dụng CNTT đặt ra trong giai đoạn hiện nay, tuy nhiên trên thực tế, 9/11 máy chủ đã có niên hạn sử dụng trên 05 năm, trong đó có 06 máy chủ cấu hình thấp, không có khả năng nâng cấp do không có linh kiện. Do vậy, phần lớn các máy chủ chính phải tải chung nhiều ứng dụng, không có máy chủ hỗ trợ cho nghiên cứu và thực hành. Các máy chủ dự phòng/backup cấu hình thấp, không đủ khả năng duy trì thường xuyên các ứng dụng khi máy chủ chính gặp lỗi.

### **2.2.2. Hệ thống mạng, thiết bị mạng và đường truyền**

Hệ thống mạng của Ủy ban Dân tộc đã được xây dựng theo mô hình kết nối LAN-to-LAN tới các đơn vị ở xa thông qua VPN, đảm bảo khả năng truy cập thông tin thống nhất trong toàn cơ quan Ủy ban Dân tộc (bao gồm các Vụ nằm ngoài trụ sở chính). Các đơn vị sự nghiệp và các cơ quan làm công tác dân tộc địa phương chưa có khả năng kết nối vào hệ thống này.

Các thiết bị kết nối mạng đã được quan tâm đầu tư, bảo đảm cho hoạt động của hệ thống trong giai đoạn hiện nay. Đã lắp đặt 02 đường truyền cáp quang kết nối đến Ủy ban Dân tộc (trong đó 01 đường truyền của Bưu điện Trung ương). Các Vụ nằm ngoài trụ sở chính cũng được lắp đặt 03 đường cáp quang phục vụ truy cập Internet và kết nối VPN với hệ thống mạng nội bộ của Ủy ban dân tộc. Đường truyền hiện tại đáp ứng được toàn bộ nhu cầu hiện nay đặt ra.

### **2.2.3. Hệ thống máy tính cá nhân (PC)**

Ủy ban Dân tộc hiện đã trang bị gần 300 máy PC, đạt tỷ lệ khoảng 80% cán bộ, công chức được trang bị máy tính. Các máy PC đều đã được kết nối mạng nội bộ (LAN) và có khả năng truy cập Internet thường xuyên.

Phần lớn các máy đã sử dụng trên 03 năm, khoảng 20% số máy là các thế hệ máy cũ cấu hình thấp, đã sử dụng trên 5 năm, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức.

Đa số phần mềm sử dụng trên máy tính cá nhân không có bản quyền, chỉ có khoảng 20 máy tính có bản quyền hệ điều hành Microsoft Windows XP, chiếm tỷ lệ 10%.

#### **2.2.4. Hệ thống bảo mật**

Năm 2009, hệ thống tường lửa, mạng riêng ảo chính thức được đầu tư phục vụ hoạt động bảo mật của hệ thống mạng. Thiết bị tường lửa mới được trang bị ban đầu làm nhiệm vụ bảo mật kết nối Internet, chưa có các thiết bị phần cứng và phần mềm bảo mật chuyên dụng cho các dịch vụ bảo mật vùng DMZ và vùng cho người sử dụng;

Việc bảo mật và phòng chống virus, spy, malware... tại các máy trạm chưa được đầu tư sử dụng phần mềm có bản quyền, hiện tại vẫn sử dụng các phần mềm miễn phí.

### **3. Ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan**

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban Dân tộc do Trung tâm Thông tin nghiên cứu và xây dựng (nền tảng ASP/SQL Server), đã được ứng dụng tại Văn phòng từ đầu năm 2007. Sau một thời gian nghiên cứu và tự nâng cấp, năm 2009, hệ thống đã được đưa vào ứng dụng tại toàn bộ các trạm làm việc trong cơ quan Ủy ban Dân tộc theo mô hình khép kín trên mạng nội bộ.

Tuy nhiên đến nay, do nhiều nguyên nhân, việc triển khai hệ thống gặp không ít khó khăn, hiện vẫn chỉ ứng dụng tại Văn phòng và Trung tâm Thông tin, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do Quy chế quản lý, sử dụng và khai thác hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban Dân tộc chưa được ban hành, chưa có nguồn kinh phí tập trung đầu tư riêng cho nội dung này, kinh phí mới chỉ dừng lại ở mức bảo đảm chi thường xuyên.

- Hệ thống thư điện tử

Hệ thống Thư điện tử của Ủy ban Dân tộc hiện đang ứng dụng phần mềm MDaemon 9.6, hoạt động theo mô hình off-line.

Mỗi cán bộ, công chức thuộc Ủy ban Dân tộc đều có hộp thư riêng, với số lượng 488 hộp thư, trong đó 321 hộp thư của cán bộ Ủy ban và 167 hộp thư của Ban Dân tộc các tỉnh. Số lượng hộp thư Mailling List là 31; Tổng dung lượng lưu trữ hộp thư hiện tại là 50Gb, mỗi tháng trung bình tăng thêm khoảng 0,5Gb; Số lượng truy cập trung bình một ngày khoảng 80 hộp thư.

- Các hệ thống thông tin phục vụ nghiệp vụ chuyên môn

Hệ thống thông tin phục vụ chuyên môn được xây dựng bao gồm 12 phân hệ (Quyết định số 1597/QĐ-BTTTT ngày 24/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2009-2010 của Ủy ban Dân tộc), đến nay mới triển khai và bàn giao đưa vào sử dụng được 02 phân hệ: phân hệ Quản lý đơn thư khiếu nại tố cáo ứng dụng tại Thanh tra Ủy ban, phân hệ Quản lý báo cáo tài chính (mới chỉ dừng ở mức tổng hợp ngân sách từ báo cáo) ứng dụng tại Vụ Kế hoạch- Tài chính.

Nguyên nhân chủ yếu tác động đến kết quả việc xây dựng các ứng dụng chậm được triển khai là do không có nguồn kinh phí đầu tư, các ứng dụng hoàn toàn do đơn vị chuyên trách về CNTT tự nghiên cứu, xây dựng.

- Hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ tra cứu

Đã xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ban đầu trên cơ sở các số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê và các Bộ ngành, phục vụ tra cứu các số liệu về dân tộc trên nền tảng DevInfo, bao gồm: Cơ sở dữ liệu bóc tách từ 5 cuộc điều tra (Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, Khảo sát mức sống hộ gia đình 2002-2004, Điều tra y tế quốc gia năm 2001 và Điều tra quốc gia trẻ vị thành niên và thanh niên năm 2003), cơ sở dữ liệu dân số các dân tộc Việt Nam, cơ sở dữ liệu tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II.

Căn cứ vào yêu cầu công tác, với mục tiêu chuẩn hóa và tối ưu các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Ủy ban Dân tộc đã triển khai “Đề án phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông hệ thống thống kê của Ủy ban Dân tộc đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020” và “Đề án xây dựng bộ cơ sở dữ liệu các dân tộc thiểu số Việt Nam” (phê duyệt tại Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 06/7/2010 và Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 01/10/2010 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc).

#### **4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp**

Trang tin điện tử Ủy ban Dân tộc được thành lập theo Quyết định số 19/2005/QĐ-UBND ngày 18/01/2005 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và hoạt động theo giấy phép số 455/GP-BC do Cục Báo chí - Bộ Văn hoá Thông tin cấp ngày 18/10/2004; Hoạt động của Trang tin điện tử tuân thủ theo Luật Báo chí, Luật Công nghệ Thông tin và các văn bản nhà nước khác về quản lý về Báo chí, Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước.

Trang tin điện tử được phát triển trên nền mã nguồn mở phpNuke, quản trị bởi đội ngũ cán bộ của Trung tâm Thông tin và do Giám đốc Trung tâm Thông tin- chi đạo nội dung và là người chịu trách nhiệm chính. Đến nay, Trang tin đã đăng tải được 17.465 bài viết, 977 văn bản hướng dẫn các loại và và 4.451 tin với trên 32 triệu lượt truy cập từ 119 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Cũng trên Trang tin điện tử, Ủy ban Dân tộc đã triển khai ứng dụng đối thoại trực tuyến về các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước và truyền phát trực tuyến (online và offline) một số kênh phát thanh truyền hình tiếng dân tộc trên Internet như: VTV5, CVTV2, VOV4. Theo kết quả khảo sát đánh giá Website/Portal của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2010 do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố, Trang tin điện tử Ủy ban Dân tộc hiện đứng thứ 12/20 Bộ, cơ quan ngang bộ về mức độ cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến

Do cơ chế hoạt động của hệ thống phần mềm quản trị nội dung Trang tin điện tử chưa đáp ứng được nhu cầu phân cấp, phân quyền quản trị cũng như khả năng tích hợp các hệ thống CNTT của Ủy ban Dân tộc nên trong năm 2009, Trung tâm Thông tin đã tiến hành nâng cấp Trang tin điện tử thành Cổng thông tin điện tử sử dụng nền tảng IBM WebSphere Portal và đáp ứng yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật của hệ thống công thông tin điện tử theo nội dung công văn số 1654/BTTTT-UDCNTT ngày 27/5/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Ngoài Trang tin điện tử của Ủy ban Dân tộc, Trung tâm Thông tin còn là đầu mối quản lý hệ thống thông tin Chương trình 135, Trang thông tin Vụ Địa phương I, Vụ Địa phương II và Vụ Địa phương III, Trang tin phòng chống Ma túy HIV/AIDS và mại dâm, Trang tin Hoạt động khoa học.

### **5. Hiện trạng về nguồn nhân lực ứng dụng CNTT**

- Tổ chức và nguồn nhân lực chuyên trách về CNTT

Ủy ban Dân tộc đã từng bước hoàn thiện hệ thống tổ chức của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin (Trung tâm Thông tin) với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức ban hành tại Quyết định số 414/QĐ-UBND ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc. Trung tâm Thông tin được tổ chức thành 05 phòng chuyên môn, biên chế được giao là 28 người.

Căn cứ vào kết quả thực tiễn các hoạt động chuyên môn, có thể đánh giá: năng lực một số cán bộ chuyên trách làm công tác CNTT còn yếu, lực lượng biên chế chính thức còn quá khiêm tốn so với yêu cầu công tác.

- Năng lực ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức trong Ủy ban Dân tộc

Trong giai đoạn vừa qua, Ủy ban dân tộc đã tổ chức nhiều lớp tập huấn, hướng dẫn về ứng dụng CNTT. Đến nay, 80% cán bộ, công chức, viên chức được tiếp xúc thường xuyên với máy tính, sử dụng các ứng dụng, phần mềm của máy tính (Word, Excel...) trong các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn; 60% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng máy tính để truy cập Internet, khai thác các thông tin trên mạng phục vụ nhiệm vụ chuyên môn; 60% cán bộ, công chức, viên chức

đã thành thạo và thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử cá nhân của Ủy ban trong việc trao đổi thông tin; trên 30% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp của Ủy ban Dân tộc trong quản lý văn bản và điều hành công việc; dưới 20% cán bộ, công chức có khả năng tự quản lý và phòng chống virus, malware trên máy tính.

Cơ sở vật chất về CNTT còn thiếu, một số cán bộ chưa được trang bị máy tính cá nhân, trong khi đó nhiều máy tính cá nhân đã cũ và lạc hậu; năng lực và trách nhiệm ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức trong Ủy ban Dân tộc nói chung còn hạn chế, nhiều lĩnh vực chưa đạt được mục tiêu đề ra của Chính phủ.

### **III. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2012**

#### **1. Mục tiêu chung**

Tăng cường khả năng và triển khai đồng bộ, hiệu quả ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý, chỉ đạo và điều hành của hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc từ Trung ương đến địa phương.

Xây dựng và duy trì một hệ thống cơ sở dữ liệu ngành dân tộc phục vụ tra cứu tổng hợp về các hoạt động cũng như tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi, đồng thời hỗ trợ công tác bảo tồn, phát huy ngôn ngữ, chữ viết và bản sắc văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam.

Xây dựng một kênh thông tin trực tuyến giải đáp về công tác dân tộc và chính sách dân tộc, tăng cường năng lực phục vụ nhiệm vụ tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về vấn đề dân tộc và công tác dân tộc.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

a) Bảo đảm hạ tầng kỹ thuật phục vụ ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc

- 100% cán bộ, công chức, viên chức tại Ủy ban dân tộc được trang bị máy tính cá nhân kết nối mạng, đảm bảo phục vụ tốt công tác chuyên môn.

- Hoàn thiện hệ thống máy chủ dịch vụ và các thiết bị mạng phục vụ hoạt động ứng dụng CNTT tại Ủy ban Dân tộc và đảm bảo khả năng kết nối trực tuyến từ/dến hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc các cấp.

- Ứng dụng dịch vụ chứng thực chữ ký số và xác thực quốc gia.

b) Xây dựng các hệ thống thông tin tổng thể và chuyên ngành nhằm tạo môi trường làm việc điện tử trong Ủy ban Dân tộc nói riêng và hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc



- Hoàn thiện các phân hệ thuộc hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành Ủy ban Dân tộc tích hợp trên Cổng Thông tin điện tử của Ủy ban, tạo môi trường trao đổi thông tin trực tuyến giữa hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc, đảm bảo các thông tin được quản lý trên một nền tảng thống nhất, đồng bộ, phát huy hiệu quả tổng thể.

- Đảm bảo hệ thống thông tin được ứng dụng và đáp ứng 75% các văn bản, tài liệu nội bộ được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thông tin quản lý cơ sở dữ liệu về các vấn đề dân tộc, xây dựng kế hoạch và từng bước tổng hợp và cập nhật thông tin cho cơ sở dữ liệu.

- Xây dựng thử nghiệm 03 từ điển ngôn ngữ dân tộc thiểu số, rút kinh nghiệm làm nền tảng cho việc phổ triển đối với các ngôn ngữ khác nhằm mục tiêu bảo tồn tiếng nói, chữ viết và văn hóa truyền thống của các dân tộc thiểu số Việt Nam.

c) Xây dựng, hoàn thiện các hệ thống thông tin chuyên ngành phục vụ cung cấp dịch vụ cho người dân và doanh nghiệp.

- Xây dựng và đưa vào triển khai hoạt động hệ thống truyền phát trực tuyến các kênh phát thanh truyền hình dân tộc trên Internet

- Xây dựng một hệ thống giao diện bao gồm các công cụ, thông tin, biểu mẫu phục vụ cải cách hành chính tại cơ quan Ủy ban Dân tộc song song với phục vụ người dân và doanh nghiệp.

d) Bảo đảm ứng dụng công nghệ thông tin hiệu quả, đồng bộ và thống nhất theo định hướng chung của quốc gia

- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được cung cấp hộp thư điện tử và thường xuyên sử dụng trong công việc là 90%.

- Tỷ lệ các Vụ, đơn vị sử dụng hệ thống thông tin tổng thể trên môi trường mạng là 100%.

- Tỷ lệ máy tính trên cán bộ, công chức là 100%.

- Triển khai dịch vụ phổ biến và giải đáp các chính sách đối với đồng bào và vùng đồng bào dân tộc thiểu số trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban. Đảm bảo các dịch vụ công trực tuyến nằm trong chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc của Ủy ban Dân tộc trên Cổng thông tin đạt mức độ 3.

### **3. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan**

#### **3.1. Hoàn thiện hệ thống Cổng thông tin điện tử các phần mềm dịch vụ công tác.**

Triển khai giai đoạn hoàn thiện tổng thể các nội dung của Cổng thông tin điện tử theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông, bao gồm: chi phí cho

bản quyền, kinh phí nâng cấp, hoàn thiện các chức năng, tích hợp các dịch vụ SSO, LDAP....

Tích hợp với hệ thống phần mềm cộng tác và thư điện tử Lotus Foundation trên nền hoạt động của Cổng Thông tin điện tử, đáp ứng nhu cầu làm việc cộng tác, hỗ trợ môi trường làm việc trên nền thông tin điện tử.

### **3.2. Hệ thống thông tin tổng thể phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo và điều hành của Ủy ban Dân tộc**

Triển khai xây dựng một **Hệ thống quản lý thông tin tổng thể** phục vụ các hoạt động quản lý, chỉ đạo và điều hành của Ủy ban Dân tộc nói riêng và hệ thống các cơ quan quản lý nhà nước về công tác nói chung trên nền tảng Cổng thông tin điện tử hiện hành. Hệ thống phải đảm bảo các mục tiêu:

- Đáp ứng khả năng quản trị và truy cập thông tin từ cơ sở dữ liệu được xây dựng dựa trên nền tảng LDAP.

- Đáp ứng khả năng tích hợp và quản trị các ứng dụng dùng chung.

- Đáp ứng các yêu cầu về an toàn, bảo mật hệ thống thông tin và khả năng duy trì ổn định cũng như cam kết hỗ trợ các dịch vụ từ nhà cung cấp.

Trên nền tảng hệ thống quản lý thông tin tổng thể, triển khai xây dựng các phân hệ quản lý:

#### **3.2.1. Phân hệ quản lý văn bản và điều hành**

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã được xây dựng và triển khai ứng dụng trong nội bộ cơ quan Ủy ban Dân tộc từ năm 2007.

Tuy nhiên sau khi nâng cấp Cổng thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc, để đảm bảo các ứng dụng có khả năng tích hợp với Cổng nói riêng và đáp ứng các yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật tích hợp với hệ thống thông tin quản lý văn bản và điều hành của Chính phủ nói chung (công văn số 1654/BTTTT-UDCNTT ngày 27/5/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông), việc hoàn thiện các mô hình chức năng tổng thể, nâng cấp công nghệ trên nền tảng mới hoặc triển khai đầu tư trọn gói toàn bộ hệ thống, đồng thời với ban hành Quy chế quản lý, sử dụng và khai thác hệ thống quản lý văn bản và điều hành là nhu cầu cấp thiết và quan trọng trong giai đoạn hiện nay của Ủy ban Dân tộc. Các phân hệ chính bao gồm:

- Quản lý tác nghiệp xử lý công văn đi/đến bao gồm cả tác nghiệp xử lý tại các trạm làm việc: Lãnh đạo Ủy ban, Lãnh đạo Văn phòng, Lãnh đạo các Vụ, Chuyên viên, Văn thư,...;

- Quản lý hồ sơ công việc và giao nộp lưu trữ kết nối trực tuyến với phân hệ tác nghiệp xử lý công văn đi/đến;

- Quản lý các văn bản chuyển nội bộ và văn bản mật;
- Quản lý lịch công tác, theo dõi công việc, nhắc việc đồng bộ hoá với Quản lý sử dụng tài nguyên dùng chung như điều động xe, phòng họp, thiết bị...;
- Quản lý báo cáo và điều hành trong hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc;
- Diễn đàn trao đổi thông tin nội bộ.

### **3.2.2. Hệ thống thư điện tử**

Nâng cấp hệ thống thư điện tử trên nền Lotus Foundations nhằm chuẩn hóa, tích hợp chung trên nền với Cổng thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc, đồng bộ hóa với hệ thống Quản lý văn bản và điều hành, tăng cường hiệu quả, khả năng ổn định của toàn hệ thống. Ban hành Quy chế quản lý, khai thác và sử dụng thư điện tử của Ủy ban Dân tộc, đảm bảo thực hiện thành công Chi thị số 34/2008/CT-TTg ngày 03/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử trong hoạt động của cơ quan Nhà nước.

Hiện tại, hệ thống thư điện tử của Ủy ban Dân tộc đang hoạt động theo cơ chế offline, kết nối với nhà cung cấp dịch vụ Internet để tải thư về theo lịch trình thời gian cố định. Đôi lúc do dung lượng lưu tạm thời bị hạn chế nên thư điện tử có thể bị xoá. Để khắc phục các tình trạng trên, cần phải chuyển hệ thống thư điện tử về Ủy ban Dân tộc và thiết lập chế độ trực tuyến (online) 24/7, đảm bảo đáp ứng nhu cầu truy cập và khai thác của tất cả cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban Dân tộc. Bổ sung thêm máy chủ làm nhiệm vụ SMTP server (Simple Mail Transfer Protocol - giao thức truyền nhận thư điện tử) để chặn, lọc thư rác và virus kết hợp với hệ thống tường lửa để đảm bảo hệ thống thư điện tử được an toàn, bảo mật.

### **3.2.3. Các hệ thống thông tin phục vụ nghiệp vụ chuyên môn**

Các phân hệ thông tin phục vụ nghiệp vụ chuyên môn của Ủy ban Dân tộc đã được khảo sát, nghiên cứu và phân tích chi tiết trong những năm vừa qua bao gồm 10 nội dung chính:

- (1) Quản lý nghiệp vụ kế toán tài chính và ngân sách (bao gồm cả cấp I và cấp III);
- (2) Quản lý hồ sơ cán bộ (bao gồm cả quản lý đào tạo, chế độ chính sách..., kết nối trực tuyến với phân hệ quản lý tài chính kế toán và thi đua khen thưởng);
- (3) Quản lý đơn thư khiếu nại, tố cáo và nghiệp vụ thanh tra;
- (4) Quản lý nguồn vốn đầu tư, tình hình và kết quả thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn cả nước, vùng miền;
- (5) Quản lý tài sản và cung cấp vật tư, thiết bị;

- (6) Quản lý nghiệp vụ lưu trữ, thư viện;
- (7) Quản lý Thi đua khen thưởng toàn ngành;
- (8) Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế về lĩnh vực công tác dân tộc (bao gồm cả các hoạt động về nghiên cứu, đào tạo, bồi dưỡng, đoàn ra, đoàn vào...);
- (9) Quản lý, theo dõi các ấn phẩm và các bài viết về các dân tộc thiểu số (bao gồm cả các ấn phẩm trong và ngoài Ủy ban);
- (10) Quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và môi trường của ngành dân tộc.

Để đảm bảo các hệ thống thông tin phục vụ nghiệp vụ chuyên môn trên đây được triển khai và đi vào hoạt động, phát huy hiệu quả tổng hợp, nâng cao năng lực làm việc trên môi trường mạng của cán bộ, công chức, viên chức, đẩy mạnh cải cách hành chính, năm 2012 cần tập trung kinh phí triển khai xây dựng và triển khai ứng dụng các phân hệ (1), (2) và (3) đi đôi với hoàn thiện các hành lang pháp lý cho từng nội dung.

### **3.3. Bộ cơ sở dữ liệu về các dân tộc thiểu số Việt Nam**

Nhiệm vụ xây dựng Bộ cơ sở dữ liệu về các dân tộc thiểu số Việt Nam được nhận định là một Bộ cơ sở dữ liệu quan trọng đối với vấn đề dân tộc và công tác dân tộc của Đảng và Nhà nước, được Thủ tướng Chính phủ đồng ý và giao Ủy ban Dân tộc tổ chức thẩm định, phê duyệt và chỉ đạo thực hiện (văn bản số 7557/VPCP-ĐP ngày 28/10/2009 của Văn phòng Chính phủ)

Trên cơ sở Bộ cơ sở dữ liệu này, triển khai tích hợp hệ thống thông tin bản đồ số nhằm tăng cường khả năng đánh giá sự phát triển cũng như dự báo thông tin đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

### **3.4. Từ điển ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam**

Các dân tộc nước ta là một cộng đồng thống nhất trong đa dạng, cư trú phân tán và đan xen nhau trên mọi vùng miền với bản sắc văn hóa từng dân tộc tạo nên sự đa dạng, phong phú của nền văn hiến Việt Nam. Để hiện thực hóa chủ trương của Đảng: “Các dân tộc trong đại gia đình Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giúp đỡ nhau cùng tiến bộ”, việc bảo tồn, duy trì ngôn ngữ (tiếng nói, chữ viết) cũng như văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam là một trong những nhiệm vụ trọng điểm hiện nay. Từ điển ngôn ngữ được xây dựng sẽ bao gồm các nội dung chính:

- Từ điển tiếng (bao gồm từ và phát âm).
- Kho tư liệu về văn hóa truyền thống (kết nối với nội dung của Bộ CSDL về các DTTS Việt Nam).

#### **4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:**

- Triển khai xây dựng các cổng thông tin thành phần phục vụ một số nội dung: Tin học hóa các thủ tục hành chính của Ủy ban Dân tộc; bảo đảm 80% các thông tin chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Ủy ban được đưa lên cổng thông tin điện tử hoặc Trang tin điện tử UBĐT; xây dựng một kênh thông tin trực tuyến giải đáp về công tác dân tộc và chính sách dân tộc; đào tạo trực tuyến (E-Learning) cho các cán bộ dân tộc và người dân; hoạt động giao lưu thương mại giữa đồng bào dân tộc thiểu số với doanh nghiệp, doanh nghiệp với doanh nghiệp..., tiến tới triển khai các dịch vụ công trực tuyến nằm trong chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc của Ủy ban Dân tộc trên cổng thông tin ở mức độ 3

- Xây dựng, duy trì và phát triển hệ thống truyền phát trực tuyến các kênh phát thanh, truyền hình dân tộc trên mạng Internet; Duy trì và phát triển chuyên mục Dân tộc Online trên Trang tin điện tử.

#### **5. Mục tiêu cho ứng dụng CNTT chuyên ngành**

- Nâng cấp và phát triển một số modul Cổng thông tin điện tử đáp ứng cho hoạt động trao đổi, truyền thông trực tuyến của Ủy ban Dân tộc theo Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 – 2015.

- Đầu tư triển khai phần mềm quản lý cán bộ, đảm bảo khả năng quản lý cũng như kiểm tra, giám sát các chính sách đối với cán bộ người dân tộc thiểu số và cán bộ làm công tác dân tộc từ trung ương đến địa phương. Xây dựng một cơ sở dữ liệu chuyên ngành về đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc và đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số.

- Đầu tư xây dựng phần mềm quản lý Bộ cơ sở dữ liệu về các dân tộc thiểu số Việt Nam theo tiến trình và nội dung đã được phê duyệt tại các Quyết định: Quyết định số 195/QĐ-UBĐT ngày 06/7/2010 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt Đề án phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông hệ thống thống kê của Ủy ban Dân tộc đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; Quyết định số 393/QĐ-UBĐT ngày 01/10/2010 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt Kế hoạch thực hiện Đề án Xây dựng bộ cơ sở dữ liệu các dân tộc thiểu số Việt Nam năm 2010; Quyết định số 95/QĐ-UBĐT ngày 14/4/2011 về việc phê duyệt “Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2011-2015” của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc

## IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

### 1. Hạ tầng kỹ thuật

#### 1.1. Hệ thống máy chủ:

Trang tin điện tử của Ủy ban Dân tộc, Trang thông tin Chương trình 135 được tích hợp và cài đặt tại cơ quan Ủy ban Dân tộc. Đồng thời với việc nâng cấp hệ thống thông tin điều hành, hệ thống cơ sở dữ liệu về các vấn đề dân tộc để tăng cường khả năng đảm bảo hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành trong hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc, triển khai các dịch vụ công trực tuyến nằm trong chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc của Ủy ban Dân tộc, cần bổ sung đầu tư tối thiểu 05 máy chủ cấu hình cao, đảm bảo toàn bộ các dịch vụ được hoạt động thông suốt.

Hệ thống lưu trữ tập trung cần trang bị 01 hệ thống mạnh hơn với dung lượng lưu trữ cao hơn. Song song với việc trang bị thêm hệ thống lưu trữ tập trung, các dịch vụ, ứng dụng đang hoạt động đơn lẻ trên máy chủ độc lập phải nâng cấp lên theo mô hình giải pháp clustering, đảm bảo tính sẵn sàng, không bị ngừng hệ thống khi có sự cố.

#### 1.2. Hệ thống mạng, thiết bị kết nối mạng và đường truyền:

Hoàn thiện hệ thống mạng nội bộ của Ủy ban Dân tộc, nâng cấp các thiết bị kết nối mạng, đảm bảo kết nối của hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc với các ứng dụng dùng chung; tăng cường các thiết bị kết nối trực chính; nâng cấp thiết bị VPN hỗ trợ khả năng kết nối đa điểm; nâng cấp năng lực đường truyền kết nối trực tuyến đến hệ thống ứng dụng và dịch vụ của Ủy ban Dân tộc; trang bị thêm thiết bị trên đường truyền trực chính đảm bảo tính tương thích, đồng bộ cùng với việc cài đặt hệ thống fail-over, load-balancing... Đường truyền cần nâng cấp lên hai đường kết nối cáp quang qua Cục Bưu điện Trung ương và Công ty Viễn thông quân đội Viettel, băng thông thuê bao tính tại từng thời điểm theo yêu cầu cụ thể của ứng dụng và nhu cầu trao đổi thông tin.

#### 1.3. Hệ thống máy tính cá nhân (PC)

Tăng cường kinh phí đầu tư máy PC cho cán bộ, công chức của Ủy ban, đảm bảo đạt tỷ lệ 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính đảm bảo cho nhu cầu triển khai nghiệp vụ chuyên môn.

#### 1.4. Hệ thống bảo mật

Trang bị tăng cường các thiết bị/phần mềm bảo mật chuyên dụng cho các dịch vụ bảo mật lớp trong ở mức hệ thống (Firewall mềm) cùng với phần mềm phòng chống, diệt virus, malware tại các máy trạm đảm bảo tính an toàn, bảo mật thông tin trên toàn hệ thống cũng như tại vị trí của từng người sử dụng.

Ngoài ra, cũng cần trang bị thêm các thiết bị an toàn cho đường nguồn cung cấp điện để đảm bảo hệ thống hoạt động thông suốt như thiết bị lưu điện cỡ lớn, máy phát điện dự phòng.

## **2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan**

### **2.1 Hệ thống thư điện tử**

- Nâng cấp và cải đặt lên phiên bản mới, cao cấp hơn, có nhiều tính năng hơn đảm bảo tính an toàn và bảo mật thông tin, thân thiện để sử dụng, có khả năng mở rộng và đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

- Đảm bảo tính ổn định về chất lượng đường truyền Internet giúp cho hệ thống thư điện tử luôn hoạt động tốt. Nhằm đáp ứng được tính sẵn sàng khi người dùng sử dụng thư điện tử.

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống an toàn và bảo mật thông tin đối với hệ thống thư điện tử.

- Nâng cấp máy chủ Mail nhằm tăng dung lượng sử dụng Email của mỗi hộp thư cá nhân.

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống (bao gồm cả phần cứng và phần mềm)

### **2.2 Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành**

- Đầu tư triển khai hệ thống Quản lý văn bản và điều hành trên nền tảng công nghệ mới, đáp ứng với yêu cầu tích hợp các hệ thống thông tin, an toàn bảo mật thông tin và thỏa mãn nhu cầu ứng dụng CNTT trong các hoạt động quản lý điều hành của Ủy ban Dân tộc và các cơ quan làm công tác dân tộc địa phương. Ngoài việc đáp ứng đầy đủ yêu cầu về quản lý văn bản và điều hành trên hệ thống mạng, hệ thống mới tối thiểu phải đảm bảo một số tính năng chủ yếu dưới đây:

+ Công cụ định nghĩa luồng công việc cho từng hoạt động cụ thể.

+ Cho phép chia sẻ file, thư mục dùng chung, cho phép sửa văn bản trực tuyến.

+ Khả năng tích hợp LDAP, mail; phân quyền và gán chức năng mềm dẻo thông qua giao diện phần mềm.

- Thống nhất hệ thống kế toán dùng chung của Ủy ban Dân tộc và các đơn vị trực thuộc, đảm bảo tính công khai, minh bạch đối với các hoạt động tài chính kế toán và khả năng kết xuất báo cáo tài chính thường xuyên, đột xuất theo yêu cầu.

## **3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp**

- Xây dựng, duy trì và phát triển hệ thống truyền phát trực tuyến các kênh phát thanh, truyền hình dân tộc trên mạng Internet theo nội dung Quyết định 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình

quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 – 2015.

- Triển khai xây dựng các cổng thông tin thành phần phục vụ một số nội dung: Tin học hóa các thủ tục hành chính của Ủy ban Dân tộc; xây dựng một kênh thông tin trực tuyến giải đáp về công tác dân tộc và chính sách dân tộc; đào tạo trực tuyến (E-Learning) cho các cán bộ dân tộc và người dân; hoạt động giao lưu thương mại giữa đồng bào dân tộc thiểu số với doanh nghiệp, doanh nghiệp với doanh nghiệp..., tiến tới triển khai các dịch vụ công trực tuyến nằm trong chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc của Ủy ban Dân tộc trên cổng thông tin ở mức độ 3.

#### **4. Các ứng dụng CNTT chuyên ngành**

Xây dựng và quản lý Bộ cơ sở dữ liệu các dân tộc thiểu số Việt Nam, cập nhật, duy trì đáp ứng yêu cầu truy nhập, sử dụng thông tin của hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc và phục vụ lợi ích xã hội.

Trên cơ sở Bộ cơ sở dữ liệu này, triển khai tích hợp hệ thống thông tin bản đồ số nhằm tăng cường khả năng đánh giá sự phát triển cũng như dự báo thông tin đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên bản đồ thực địa.

#### **5. Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT**

Tiếp tục triển khai Nghị định số 64/2007/NĐ-CP và Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 01/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020:

- Đẩy mạnh việc phổ cập kiến thức và kỹ năng ứng dụng CNTT. Đảm bảo đa số cán bộ, công chức, viên chức; được đào tạo về ứng dụng CNTT trong công việc của mình.

+ Đào tạo sử dụng thành thạo Hệ điều hành và các ứng dụng văn phòng, Internet, Mail...: 200 lượt người

+ Đào tạo sử dụng thành thạo các ứng dụng của hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp theo chuyên môn được giao: 200 lượt người.

+ Đào tạo khai thác và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu dân tộc: 500 lượt người (nằm trong dự án cơ sở dữ liệu dân tộc).

+ Đào tạo thường xuyên về các ứng dụng và giới thiệu các công nghệ mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin: 100 lượt người/năm

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan chuyên ngành liên quan tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách CNTT,



đáp ứng yêu cầu quản lý và triển khai các nhiệm vụ chuyên môn được giao. Nội dung các khóa đào tạo cần tập trung chuyên sâu:

+ Về xây dựng, triển khai và quản lý các dự án công nghệ thông tin: 04 người.

+ Về năng lực quản trị và phát triển hệ thống hạ tầng mạng: 06 người.

+ Về năng lực quản trị và phát triển hệ thống Cơ sở dữ liệu dân tộc, Công Thông tin điện tử tích hợp hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp: 09 người.

+ Về năng lực quản trị và triển khai các hệ thống an toàn, an ninh và bảo mật hệ thống thông tin: 6 người.

Tổ chức các khóa tập huấn về ứng dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành cho đội ngũ cán bộ của Ủy ban Dân tộc và cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh.

Tổ chức các khóa tập huấn về quản lý và cập nhật tin bài Công Thông tin điện tử thành phần của các Vụ, đơn vị.

Tổ chức các khóa tập huấn về quản lý, duy trì và cập nhật thông tin vào phần mềm quản lý Bộ cơ sở dữ liệu về các dân tộc thiểu số Việt Nam

Tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, đáp ứng khả năng quản trị và phát triển hệ thống thông tin của Ủy ban Dân tộc phù hợp với công nghệ hiện đại cũng như đảm bảo an toàn thông tin.

## V. GIẢI PHÁP

### 1. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho ứng dụng CNTT

Nguồn lực đầu tư cho chiến lược ứng dụng CNTT của Ủy ban Dân tộc còn hạn hẹp, kinh phí cấp cho hoạt động ứng dụng CNTT được cân đối từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hàng năm của Ủy ban Dân tộc, nên chỉ đủ để duy trì các hệ thống, không có khả năng phát triển. Do vậy để đảm bảo thực hiện thành công Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2012, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng giải pháp tổng thể, kiến nghị với Chính phủ tăng cường kinh phí chi cho hoạt động ứng dụng CNTT của Ủy ban Dân tộc nói riêng và các cơ quan Nhà nước nói chung, quan tâm ưu tiên đầu tư cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong chiến lược phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

### 2. Đưa ứng dụng CNTT vào công cuộc cải cách hành chính

Đặt nhiệm vụ ứng dụng CNTT là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công cuộc cải cách hành chính: tăng cường cán bộ chuyên trách về CNTT tham gia vào Tổ Cải cách hành chính của Ủy ban, đánh giá kết quả ứng dụng CNTT là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động và cải cách hành chính của các Vụ, đơn vị.

### **3. Hoàn thiện bộ máy chuyên trách về CNTT**

#### **3.1. Thành lập Ban Chỉ đạo về Công nghệ thông tin:**

Để đảm bảo tính khả thi của các chiến lược cũng như khả năng đánh giá toàn diện về ứng dụng công nghệ thông tin, đưa các quy chế về CNTT vào ứng dụng tại toàn bộ các Vụ, đơn vị của Ủy ban Dân tộc và các cơ quan làm công tác dân tộc địa phương, Ủy ban Dân tộc thành lập Ban Chỉ đạo về Công nghệ thông tin do Bộ trưởng, Chủ nhiệm làm Trưởng ban; giao Trung tâm Thông tin làm đơn vị thường trực của Ban chỉ đạo.

3.2. Hoàn thiện đơn vị chuyên trách về CNTT của Ủy ban Dân tộc, đảm bảo tốt về chất lượng, đủ về số lượng.

Tại đơn vị chuyên trách về CNTT: Xây dựng khung tổ chức và biên chế cho các phòng, đảm bảo đủ biên chế triển khai các hoạt động thường xuyên của hệ thống thông tin Ủy ban Dân tộc theo định hướng ổn định, đáp ứng được mục tiêu xây dựng chính phủ điện tử tại Ủy ban.

Tại các Vụ Địa phương: Xây dựng khung tổ chức Bộ phận Công nghệ Thông tin trực thuộc các Vụ địa phương, đảm bảo đủ biên chế cho các nghiệp vụ: quản trị hệ thống hạ tầng, quản trị hệ thống ứng dụng điều hành tác nghiệp, thống kê và tổng hợp thông tin khu vực.

Tại các cơ quan làm công tác dân tộc địa phương (Ban Dân tộc tỉnh và Phòng dân tộc huyện), bố trí tối thiểu 01 cán bộ (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm) tổng hợp thông tin và báo cáo thường xuyên thông qua hệ thống thông tin của Ủy ban Dân tộc.

### **4. Hoàn thiện môi trường pháp lý về ứng dụng CNTT**

Xây dựng, ban hành quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử; các chính sách nhằm giảm giấy tờ, tăng cường chia sẻ thông tin; các quy định về an toàn, an ninh thông tin trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin. Bảo đảm tận dụng triệt để hạ tầng kỹ thuật được trang bị trong trao đổi các văn bản hành chính giữa các Vụ, đơn vị trực thuộc Ủy ban nói riêng và giữa các cơ quan dân tộc với các cơ quan, tổ chức bên ngoài nói chung.

Hoàn thiện các văn bản quy định về tài chính phù hợp đặc thù ứng dụng công nghệ thông tin, có tác động thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, bao gồm: Bảo đảm kinh phí thường xuyên cho ứng dụng công nghệ thông tin; Ưu tiên biên chế cán bộ công nghệ thông tin; ban hành khung chế độ ưu đãi với cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin.

## VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Dự kiến tổng kinh phí	Nội dung /hạng mục công việc năm 2012	Dự kiến kinh phí năm 2012
1	Dự án nâng cấp hệ thống hạ tầng mạng tại cơ quan UBNDT	Hoàn thiện hệ thống mạng nội bộ, mạng riêng ảo đảm bảo khả năng phục vụ các hoạt động CNTT của UBNDT và khả năng kết nối của hệ thống các cơ quan làm CTĐT với hệ thống mạng của Chính phủ (bao gồm kinh phí bản quyền phần mềm hệ thống)	2011-2015	TTTT	3.820	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nâng cấp hệ thống máy chủ;</li> <li>- Hoàn thiện hệ thống bảo mật hệ thống, hệ thống routing, content switching toàn mạng</li> <li>- Bản quyền Windows Server, SQL Server, gia hạn các gói bảo mật hệ thống)</li> <li>- Tăng dung lượng đường truyền trực chính cho các hoạt động thường xuyên của cơ quan UBNDT;</li> <li>- Bổ sung đường truyền phục vụ hosting các dịch vụ, đảm bảo hệ thống phát thanh - truyền hình trực tuyến chạy thông suốt trên nền tảng mạng này.</li> </ul>	1.520
2	Dự án truyền phát trực tuyến các kênh phát thanh, truyền hình dân tộc trên mạng Internet	Đưa các kênh thông tin bằng tiếng dân tộc lên Internet, phục vụ cung cấp thông tin bằng tiếng DTTS cho đồng bào.	2011-2015	TTTT	37.500	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng Đề án triển khai, xây dựng hệ thống thử nghiệm Online (VTV5) và Offline (VTV5, CVTV2, VOV4)</li> <li>- Triển khai chính thức hệ thống truyền phát trực tuyến các kênh phát thanh, truyền</li> </ul>	15.000

						hình dân tộc trên mạng Internet	
3	Dự án xây dựng hệ thống quản lý văn bản và điều hành của hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc	Đưa hệ thống QLVB và điều hành chính thức hoạt động phục vụ hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành trong hệ thống các cơ quan làm CTDT, tích hợp hệ thống làm việc cộng tác và thư điện tử (bao gồm kinh phí bản quyền phần mềm cộng tác)	2011-2015	TTTT	2.000	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xây dựng và tích hợp Hệ thống quản lý văn bản và điều hành với toàn bộ các nội dung trên nền tảng công nghệ mới</li> <li>- Trang bị bản quyền phần mềm cộng tác Lotus Foundation tích hợp với Hệ thống QLVB&amp;ĐH sau khi hoàn thiện. Xây dựng quy chế sử dụng</li> </ul>	1.612
4	Dự án tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn của cơ quan Ủy ban Dân tộc	Tin học hóa 05 nhiệm vụ chuyên môn phục vụ hoạt động của Ủy ban Dân tộc theo yêu cầu đảm bảo đồng bộ hóa các thông tin	2012-2014	TTTT	900	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quản lý hồ sơ cán bộ</li> <li>- Quản lý đơn thư KNTC và nghiệp vụ thanh tra;</li> <li>- Quản lý nghiệp vụ kế toán tài chính và ngân sách (bao gồm cả cấp I và cấp III);</li> <li>- Quản lý nguồn vốn đầu tư, tình hình và kết quả thực hiện các chính sách dân tộc trên địa bàn cả nước, vùng miền;</li> <li>- Quản lý tài sản và cung cấp vật tư, thiết bị.</li> </ul>	690

5	Dự án xây dựng Bộ cơ sở dữ liệu về các dân tộc thiểu số Việt Nam	Xây dựng, chuẩn hóa Bộ cơ sở dữ liệu về công tác dân tộc có khả năng tích hợp với hệ thống CSDL quốc gia; duy trì nội dung thông tin của Bộ CSDL	2011-2015	TTTT	3.500	- Hoàn thiện Hệ thống quản lý Bộ Cơ sở dữ liệu dân tộc thiểu số Việt Nam; tiếp tục khai thác và cập nhật thường xuyên nội dung của CSDL; Xây dựng và phê duyệt Quy chế về Quản lý, sử dụng và khai thác CSDL; Tích hợp hệ thống thông tin bản đồ số với CSDL.	1.80
6	Dự án đào tạo về công nghệ thông tin cho cán bộ, công chức hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc	Nâng cao năng lực quản trị hệ thống, quản trị và phát triển ứng dụng CNTT của đội ngũ cán bộ chuyên trách; năng lực sử dụng hệ thống thông tin của CBCCVC các cơ quan làm CTDT	2011-2015	TTTT	2.100	- Triển khai đào tạo cán bộ chuyên trách về: xây dựng, triển khai và quản lý các dự án CNTT; quản trị và phát triển hệ thống hạ tầng mạng; về quản trị, lập trình và phát triển ứng dụng; - Triển khai đào tạo cán bộ Ủy ban Dân tộc và các cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh về ứng dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành Triển khai đào tạo cán bộ Ủy ban Dân tộc và các cơ quan làm công tác dân tộc địa phương về ứng dụng và triển khai Bộ CSDL về các DTTS VN	380
7	Xây dựng các công trình thông tin	Xây dựng một hệ thống giao diện bao gồm	2012-2015	TTTT	880	- Xây dựng các công trình thông tin thành phần phục	450

	thành phần phục vụ người dân và doanh nghiệp	các công cụ, thông tin, biểu mẫu phục vụ cải cách hành chính tại cơ quan Ủy ban Dân tộc song song với phục vụ người dân và doanh nghiệp				vụ người dân và doanh nghiệp	
8	Dự án xây dựng Từ điển ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam	Bảo tồn, duy trì ngôn ngữ (tiếng nói, chữ viết) cũng như văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	2012-2015	TTTT	2.900	- Từ điển ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam: Xây dựng phần mềm quản lý đa ngôn ngữ - Từ điển ngôn ngữ các dân tộc thiểu số Việt Nam: Hoàn thiện phần mềm; thu thập dữ liệu và cập nhật thông tin.	900

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Trung tâm Thông tin

- Chủ trì phối hợp với các Vụ, đơn vị triển khai kế hoạch đảm bảo đạt được các mục tiêu và nhiệm vụ đề ra

- Báo cáo Lãnh đạo Ủy ban đầy đủ kết quả và tiến độ thực hiện

### 2. Vụ Kế hoạch Tài chính

- Hướng dẫn quản lý sử dụng kinh phí ứng dụng Công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước theo quy định, cấp phát đủ kinh phí phù hợp tiến độ.